

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **71/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 - 11 - 2021

V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà*

T và ông H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **30** tháng **11** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự.

* **Nguyên đơn:** Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

* **Bị đơn:** Ông **Võ Văn H**, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

**** Về hôn nhân:***

Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/7/2009. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp. Ông H sống không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Còn ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của ông H tại Tòa án.

* *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Võ Thị Út C1, sinh ngày 29/12/2008. Do hiện nay cháu C1 đang ở với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Bà T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết.

* *Về nợ chung*: Bà T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Đoàn Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng**: Bà Đoàn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp “*Ly hôn*” với ông Võ Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đoàn Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Văn H đã được triệu tập hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Về nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/7/2009. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị T và ông Võ Văn H là hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp, nhiều lần xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H. Còn ông H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông H không có nguyện vọng mong muốn được trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Võ Thị Út C1,

sinh ngày 29/12/2008. Hiện nay cháu C1 đang ở với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay cháu C1 còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với bà T. Bà T cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc nhận nuôi con chung; giao cháu C1 cho bà T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà T không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Bà T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Buộc bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T đối với ông Võ Văn H về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn H.

2/ Về con chung:

- Giao 01 con chung là cháu Võ Thị Út C1, sinh ngày 29/12/2008 cho bà Đoàn Thị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

- Ông Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí:

Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đoàn Thị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0005022 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Đoàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời điểm thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường